

Bản án số: 11/2024/DS-ST  
Ngày: 12-4-2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thành Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chánh Bôn.
2. Bà Nguyễn Thị Liệu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Hồ Quốc P, sinh năm 1984 và bà Phạm Nữ Lan D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: KDC A, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P đã ủy quyền cho bà D theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày 17/11/2023).

***2. Bị đơn:*** Bà Phạm Thị Bích P1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D có mặt; bà P1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Nữ Lan D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Quốc P trình bày:***

Vợ chồng bà có quen biết với bà Phạm Thị Bích P1 và ông Trần Thanh T do sinh sống gần nhà của nhau.

Vào đầu năm 2022, bà P1 có ngỏ ý muốn vay tiền để làm ăn thì vợ chồng bà có đồng ý. Vợ chồng bà cho bà P1 vay tiền thành 03 lần cụ thể như sau:

Lần 1, vào ngày 01/3/2022, vợ chồng bà cho bà P1 vay số tiền 60.000.000đ; hai bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2023; hai bên không thỏa thuận lãi suất mà chỉ thỏa thuận với nhau khi nào cần lấy lại thì vợ chồng bà sẽ báo trước cho bà P1 khoảng một tháng.

Lần 2, vào ngày 22/4/2023, vợ chồng bà cho bà P1 vay số tiền 20.000.000đ. Bà sử dụng tài khoản ngân hàng có số tài khoản 686704060240796 tại ngân hàng TMCP Q (V) của bà để chuyển vào tài khoản ngân hàng qua số tài khoản 050078422634 tại ngân hàng TMCP S (S1) của bà P1. Hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất mà chỉ thỏa thuận với nhau khi nào cần lấy lại thì vợ chồng bà sẽ báo trước cho bà P1 khoảng một tháng.

Lần 3, vào ngày 12/6/2023, vợ chồng bà cho bà P1 vay số tiền 10.000.000đ. Bà sử dụng tài khoản ngân hàng có số tài khoản 686704060240796 tại ngân hàng TMCP Q (V) của bà để chuyển vào tài khoản ngân hàng qua số tài khoản 050078422634 tại ngân hàng TMCP S (S1) của bà P1. Hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất mà chỉ thỏa thuận với nhau khi nào cần lấy lại thì vợ chồng bà sẽ báo trước cho bà P1 khoảng một tháng.

Tổng số tiền mà vợ chồng bà đã cho bà P1 vay là 90.000.000đ.

Vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu bà P1 trả tiền cho vợ chồng bà nhưng bà P1 luôn trốn tránh, chưa thanh toán cho vợ chồng bà bất cứ khoản tiền nào.

Nay vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Bích P1 có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà số tiền đã vay là 90.000.000đ.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

*Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Phạm Thị Bích P1 và ông Trần Thanh T không đến Tòa án làm việc, không có bất cứ ý kiến và văn bản nào gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:***

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định

pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án:

Ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D yêu cầu bà Phạm Thị Bích P1 phải thanh toán cho ông P, bà Duyên số tiền 90.000.000đ. Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án do nguyên đơn cung cấp là Giấy vay tiền đề ngày 01/3/2022, các bản sao kê ngân hàng phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được tại các ngân hàng. Có đủ căn cứ để xác định rằng ông P, bà D cho bà P1 vay tiền thành 03 lần, cụ thể như sau: ngày 01/3/2022 vay số tiền 60.000.000đ; ngày 22/4/2023 vay số tiền 20.000.000đ và ngày 12/6/2023 vay số tiền 10.000.000đ; tổng cộng là 90.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị Bích P1 có trách nhiệm thanh toán cho ông P và bà Duyên số tiền gốc là 90.000.000đ. Ông P và bà D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phạm Thị Bích P1 hiện nay có đăng ký thường trú tại ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đã vay mượn nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị Bích P1, ông Trần Thanh T và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng bà P1 và ông T vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà P1 và ông T quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về xác định tư cách đương sự:

Ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Bích P1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông P và bà Duyên số tiền gốc đã

vay vì vậy ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D là nguyên đơn; bà Phạm Thị Bích P1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Trần Thanh T là chồng của bà P1, nhưng chưa có chứng cứ chứng minh ông T có liên quan đến khoản vay và nguyên đơn cũng không yêu cầu ông T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà P1 nên Hội đồng xét xử không đưa ông Trần Thanh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

Ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D yêu cầu bà Phạm Thị Bích P1 phải thanh toán cho ông P, bà Duyên số tiền 90.000.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp “Giấy mượn tiền” ngày 01/3/2022 (BL 39), sao kê chuyển khoản (BL 24, 25) thể hiện ở những lần vay mượn như sau:

- Lần 1, vào ngày 01/3/2022, nguyên đơn cho bà P1 vay số tiền 60.000.000đ và hai bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2023.

- Lần 2, vào ngày 22/4/2023, nguyên đơn cho bà P1 vay số tiền 20.000.000đ. Nguyên đơn sử dụng tài khoản ngân hàng có số tài khoản 686704060240796 tại ngân hàng TMCP Q (V) của bà Hồ Nữ Lan D1 để chuyển vào tài khoản ngân hàng qua số tài khoản 050078422634 tại ngân hàng TMCP S (S1) của bà P1.

- Lần 3, vào ngày 12/6/2023, phương thức vay mượn như lần 2, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 10.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cũng như các bản photo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ đã thu thập được đúng thủ tục tố tụng; tuy nhiên bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ ký và chữ viết của bị đơn để thực hiện việc trưng cầu giám định; tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được và đã có giải trình cho Tòa án lý do không cung cấp được. Xét về nghĩa vụ chứng minh thì nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ chứng minh những lần cho vay, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng cố tình không đến Tòa án đã làm việc, nên có đủ căn cứ khẳng định bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, của nguyên đơn đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định giấy vay tiền ghi ngày 01/3/2022 có nội dung bà P1 có vay của nguyên đơn số tiền 60.000.000đ là có căn cứ.

Để chứng minh cho khoản tiền ở lần vay thứ 2 và thứ 3, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hai bản sao kê tài khoản của nguyên đơn. Tại Văn bản số 10/2024/CVPD-PGDDQ ngày 16/01/2024 của Ngân hàng TMCP S - Phòng G

(S1) (BL 30) thẻ hiện số tài khoản 050078422634 tại ngân hàng TMCP S (S1) có tên chủ tài khoản là bà Phạm Thị Bích P1. Ngoài ra, kết quả tại hai sổ phụ tài khoản (BL 28, 29) thẻ hiện: ngày 22/4/2023, tài khoản của bà P1 có nhận số tiền 20.000.000đ, nội dung diễn giải là “PHAM NU LAN DUYEN chuyen tien den PHAM THI BICH PHUONG”. Và ngày 12/6/2023, tài khoản của bà P1 có nhận số tiền 10.000.000đ, nội dung diễn giải là “PHAM NU LAN DUYEN chuyen tien den PHAM THI BICH PHUONG”. Nội dung của hai sổ phụ tài khoản phù hợp với hai bảng sao kê do nguyên đơn cung cấp (BL 24, 25). Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định vào ngày 22/4/2023 bà P1 có nhận từ bà Duyên số tiền 20.000.000đ và vào ngày 12/6/2023 bà P1 có nhận từ bà Duyên số tiền 10.000.000đ.

Nguyên đơn trình bày trước khi khởi kiện đã nhiều lần tìm gặp bà P1 đòi tiền nhiều lần nhưng bà P1 lẩn tránh, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Tòa án cũng đã thông báo nhưng bà P1 cố tình không đến Tòa án làm việc nên có căn cứ cho rằng nguyên đơn báo cho bị đơn biết trước theo khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự nhưng bị đơn cố tình trốn tránh trách nhiệm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bà Phạm Thị Bích P1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D tổng số tiền của ba lần vay là 90.000.000đ.

Do ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D không yêu cầu bà P1 thanh toán tiền lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $90.000.000đ \times 5\% = 4.500.000đ$ .

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 184, 227, 228, 235, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ Lan D. Buộc bà Phạm Thị Bích P1 có trách nhiệm thanh toán cho ông P và bà Duyên số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## 2. Về án phí:

2.1. Bà Phạm Thị Bích P1 phải nộp 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho ông Hồ Quốc P và bà Phạm Nữ L Duyên số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004699 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thành D2**